

07/11/1998 của Bộ trưởng Bộ Thương mại về việc thành lập Hội đồng đấu thầu hạn ngạch hàng dệt may;

Căn cứ Quyết định số 1405/1998/QĐ-BTM ngày 17/11/1998 của Bộ trưởng Bộ Thương mại về việc ban hành Quy chế Đấu thầu hạn ngạch hàng dệt may xuất khẩu vào thị trường có quy định hạn ngạch;

Theo đề nghị của Hội đồng đấu thầu hạn ngạch hàng dệt may,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh Quy chế Đấu thầu hạn ngạch hàng dệt may xuất khẩu vào thị trường có quy định hạn ngạch ban hành kèm theo Quyết định số 1405/1998/QĐ-BTM ngày 17/11/1998 của Bộ Thương mại, các điều sau:

- Điều 4, khoản 4.3: bỏ điểm 6 “ký quỹ dự thầu theo quy định”.

- Điều 5, khoản 5.1: bỏ cụm từ “...và có kèm theo chứng từ đã nộp tiền ký quỹ dự thầu.”

- Điều 7, khoản 7.3: bỏ cụm từ “ Các doanh nghiệp trúng thầu.....tiền ký quỹ dự thầu.”

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Điều 3. Chủ tịch Hội đồng đấu thầu, Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Vụ trưởng Vụ Xuất nhập khẩu và các doanh nghiệp tham gia đấu thầu chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Bộ trưởng Bộ Thương mại
Thứ trưởng

MAI VĂN DẦU

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

QUYẾT ĐỊNH số 15/2000/QĐ-NHNN4 ngày 11/1/2000 về việc ban hành Quy chế Kiểm soát viên Ngân hàng Nhà nước.

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 01/1997/QH10 ngày 12/12/1997;

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02/3/1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Quyết định số 418/TCCP-VC ngày 29/5/1993 của Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch công chức ngân hàng;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Đào tạo; Vụ trưởng Vụ Tổng kiểm soát Ngân hàng Nhà nước,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Kiểm soát viên Ngân hàng Nhà nước.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 283/QĐ-NH4 ngày 18/12/1992 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Quy chế Kiểm soát viên Ngân hàng Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Đào tạo, Vụ trưởng Vụ Tổng kiểm soát, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước

LÊ ĐỨC THÚY

QUY CHẾ Kiểm soát viên Ngân hàng Nhà nước

(ban hành kèm theo Quyết định số 15/2000/QĐ-NHNN ngày 11/1/2000 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước).

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Kiểm soát viên Ngân hàng Nhà nước là công chức chuyên môn, nghiệp vụ, thực hiện kiểm soát hoạt động của các đơn vị thuộc hệ thống Ngân hàng Nhà nước; kiểm toán nội bộ đối với các đơn vị thực hiện nghiệp vụ Ngân hàng Trung ương.

Điều 2. Kiểm soát viên Ngân hàng Nhà nước được bố trí ở Ngân hàng Nhà nước Trung ương (Vụ Tổng kiểm soát và một số Vụ, Cục), các Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố.

Kiểm soát viên ở các đơn vị Vụ, Cục và Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước chịu sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp của thủ trưởng đơn vị về tổ chức,

lao động và sự chỉ đạo nghiệp vụ của Vụ Tổng kiểm soát.

Điều 3. Ngạch kiểm soát viên Ngân hàng Nhà nước bao gồm: Kiểm soát viên; Kiểm soát viên chính và Kiểm soát viên cao cấp. Công chức Ngân hàng Nhà nước được bổ nhiệm vào các ngạch kiểm soát viên phải có phẩm chất chính trị, đạo đức tư cách tốt; có tinh thần trách nhiệm, trung thực, khách quan trong khi thi hành nhiệm vụ.

Chương II

NHIỆM VỤ, TIÊU CHUẨN NGHIỆP VỤ NGẠCH KIỂM SOÁT VIÊN NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Điều 4. Kiểm soát viên Ngân hàng Nhà nước:

1. Nhiệm vụ cụ thể:

a) Xây dựng kế hoạch kiểm soát, kiểm toán thuộc phạm vi nhiệm vụ được giao, đảm bảo cho việc kiểm soát, kiểm toán mọi hoạt động của Ngân hàng Nhà nước được tiến hành chặt chẽ và có hiệu quả.

b) Trực tiếp tiến hành kiểm soát thường xuyên, đột xuất và kiểm toán định kỳ việc chấp hành chính sách, chế độ, thể lệ đối với các mặt hoạt động của Ngân hàng Nhà nước trong phạm vi được phân công. Lập biên bản kiểm soát, kiểm toán; đề xuất, kiến nghị các biện pháp khắc phục, xử lý những vi phạm, thiếu sót và chịu trách nhiệm cá nhân về những kiến nghị của mình.

c) Tổng kết đánh giá, rút kinh nghiệm kiểm soát, kiểm toán các mặt hoạt động của Ngân hàng Nhà nước trong phạm vi nhiệm vụ được giao.

d) Thông qua kết quả kiểm soát, kiểm toán, đề xuất, kiến nghị sửa đổi, bổ sung thể lệ, chế độ nghiệp vụ và biện pháp quản lý nhằm ngăn ngừa sự vi phạm.

đ) Làm báo cáo kết quả kiểm soát, kiểm toán lên cấp có thẩm quyền theo quy định; đề xuất các biện pháp nhằm thực hiện tốt các công tác kiểm soát, kiểm toán.

2. Hiểu biết:

a) Nắm được các chủ chương, chính sách, pháp luật liên quan đến hoạt động ngân hàng.

b) Nắm được nguyên tắc, thủ tục quản lý hành chính nhà nước.

c) Am hiểu các nguyên tắc, chế độ, nghiệp vụ về tiền tệ, tín dụng, thanh toán và ngân hàng.

d) Nắm được nghiệp vụ kiểm soát, có năng lực phân tích tổng hợp, đánh giá các mặt hoạt động nghiệp vụ ở một đơn vị.

đ) Có khả năng thực hành nghiệp vụ kiểm soát, kiểm toán.

3. Yêu cầu trình độ:

a) Tốt nghiệp đại học kinh tế, tài chính, ngân hàng.

b) Đã qua lớp bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm soát, kiểm toán theo nội dung, chương trình của Ngân hàng Nhà nước.

c) Biết một ngoại ngữ tối thiểu trình độ A.

d) Đã có thời gian công tác trong ngành Ngân hàng từ 3 năm trở lên.

Điều 5. Kiểm soát viên chính Ngân hàng Nhà nước.

1. Nhiệm vụ cụ thể:

a) Xây dựng chương trình công tác và chủ trì việc kiểm soát, kiểm toán thuộc phạm vi nhiệm vụ được giao, góp phần nâng cao hệ số an toàn trong hoạt động của hệ thống Ngân hàng Nhà nước.

b) Tổ chức chỉ đạo và trực tiếp thực hiện kiểm soát thường xuyên, đột xuất và kiểm toán định

kỳ đảm bảo việc thi hành các quy định, thể lệ, chế độ về các mặt hoạt động ngân hàng trong phạm vi được phân công. Lập biên bản kiểm soát, kiểm toán; kiến nghị đề xuất các biện pháp khắc phục, xử lý những vi phạm, thiếu sót và chịu trách nhiệm cá nhân về những kiến nghị của mình.

c) Tham gia xây dựng các quy trình nghiệp vụ kiểm soát, kiểm toán; các cơ chế, quy chế về hoạt động ngân hàng.

d) Làm báo cáo kết quả công tác kiểm soát, kiểm toán; tổng kết phân tích, đánh giá, rút kinh nghiệm về công tác kiểm soát, kiểm toán trong phạm vi được giao, trên cơ sở đó kiến nghị sửa đổi, bổ sung nhằm hoàn thiện các cơ chế hoạt động và quản lý của Ngân hàng Nhà nước.

đ) Tham gia biên soạn tài liệu, giáo trình phục vụ cho công tác đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ cho Kiểm soát viên.

2. Hiểu biết:

a) Nắm vững chủ trương, đường lối chính sách của Đảng và pháp luật Nhà nước liên quan đến hoạt động ngân hàng.

b) Nắm chắc các nguyên tắc thủ tục quản lý hành chính nhà nước.

c) Nắm được tình hình thực tiễn của hoạt động kinh tế - xã hội tác động đến hoạt động ngân hàng, từ đó đề xuất nội dung cần kiểm soát, kiểm toán để tăng cường vai trò của Ngân hàng Nhà nước.

d) Nắm vững nguyên tắc, chế độ nghiệp vụ về tiền tệ, tín dụng, thanh toán và ngân hàng.

đ) Nắm vững nghiệp vụ kiểm soát, kiểm toán, có khả năng thực hành và hướng dẫn, điều hành hoạt động kiểm soát, kiểm toán, các thành viên trong đoàn kiểm soát, kiểm toán; phúc tra các kết luận của Kiểm soát viên.

e) Có năng lực phân tích, tổng hợp, đánh giá các mặt hoạt động của một đơn vị hoặc một lĩnh vực quản lý của Ngân hàng Nhà nước.

f) Có khả năng tổ chức thực hiện các yêu cầu kiểm soát, kiểm toán.

3. Yêu cầu trình độ:

a) Tốt nghiệp đại học trở lên về kinh tế, tài chính, ngân hàng.

b) Là Kiểm soát viên và đã có thời gian ở ngạch chuyên viên, ngạch kiểm soát viên là 9 năm.

c) Đã qua lớp bồi dưỡng kiến thức quản lý kinh tế và quản lý hành chính nhà nước.

d) Đã qua các lớp bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ kiểm soát, kiểm toán theo nội dung chương trình của Ngân hàng Nhà nước.

đ) Có những đề án sáng tạo trong kiểm soát hoạt động ngân hàng được công nhận và đưa vào áp dụng có hiệu quả.

e) Biết 1 ngoại ngữ tối thiểu trình độ B.

f) Tốt nghiệp lớp tin học cơ bản.

Điều 6. Kiểm soát viên cao cấp Ngân hàng Nhà nước:

Kiểm soát viên cao cấp chỉ được bố trí ở Ngân hàng Nhà nước Trung ương và các Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố loại I.

1. Nhiệm vụ cụ thể:

a) Lập kế hoạch chương trình công tác kiểm soát, kiểm toán các mặt hoạt động của Ngân hàng Nhà nước, những vụ việc có tình tiết tương đối phức tạp.

b) Tổ chức chỉ đạo và hướng dẫn thực hiện việc kiểm soát, kiểm toán các mặt hoạt động của Ngân hàng Nhà nước theo Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

c) Tổ chức chủ trì kiểm soát, kiểm toán những

vụ việc có liên quan đến nhiều lĩnh vực hoạt động ngân hàng.

d) Trực tiếp kiểm soát thường xuyên, đột xuất; kiểm toán định kỳ việc thi hành các quy định, thể lệ, chế độ trong hệ thống Ngân hàng Nhà nước một cách toàn diện. Lập biên bản kiểm soát, kiểm toán; kiến nghị đề xuất các biện pháp khắc phục, xử lý những vấn đề vi phạm, thiếu sót và chịu trách nhiệm cá nhân về những kiến nghị của mình.

đ) Chủ trì hoặc tham gia xây dựng các cơ chế, quy chế về hoạt động Ngân hàng và các quy trình nghiệp vụ kiểm soát, kiểm toán.

e) Chủ trì việc biên soạn tài liệu, xây dựng nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm soát, kiểm toán cho các Kiểm soát viên Ngân hàng Nhà nước.

f) Chủ trì đề tài nghiên cứu khoa học về nghiệp vụ kiểm soát, kiểm toán cấp ngành.

g) Tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm về công tác kiểm soát, kiểm toán; trên cơ sở đó đề xuất sửa đổi, bổ sung chính sách, chế độ nghiệp vụ ngân hàng.

2. Hiểu biết:

a) Nắm vững đường lối, chủ chương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ liên quan đến hoạt động ngân hàng.

b) Nắm vững và tích lũy được nhiều kinh nghiệm trên các lĩnh vực nghiệp vụ tiền tệ, tín dụng, thanh toán và ngân hàng.

c) Có nhiều kinh nghiệm trong hoạt động nghiệp vụ kiểm soát, kiểm toán.

d) Có khả năng tổng kết, nghiên cứu trong công tác kiểm soát, kiểm toán hoạt động ngân hàng.

đ) Am hiểu sâu về tình hình đời sống kinh tế xã hội có liên quan đến hoạt động ngân hàng.

e) Am hiểu nghiệp vụ kiểm soát, kiểm toán ngân hàng trong nước và thế giới.

3. Yêu cầu trình độ:

a) Tốt nghiệp đại học, trên đại học về kinh tế, tài chính, ngân hàng.

b) Là Kiểm soát viên chính, có thời gian ở ngạch chuyên viên chính và ngạch kiểm soát viên chính 6 năm.

c) Đã qua lớp bồi dưỡng về nghiệp vụ kiểm soát, kiểm toán viên cao cấp ngân hàng.

d) Qua khóa đào tạo về quản lý hành chính nhà nước ngạch chuyên viên cao cấp.

đ) Có công trình nghiên cứu hoặc đề án tổng hợp sáng tạo được hội đồng khoa học ngành thừa nhận, đưa vào áp dụng có hiệu quả.

e) Biết một ngoại ngữ tối thiểu trình độ C.

f) Có trình độ lý luận chính trị cao cấp.

Điều 7. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nâng ngạch, chuyển ngạch kiểm soát viên Ngân hàng Nhà nước.

1. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, nâng ngạch, chuyển ngạch kiểm soát viên, kiểm soát viên chính Ngân hàng Nhà nước do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định.

2. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, nâng ngạch, chuyển ngạch kiểm soát viên cao cấp Ngân hàng Nhà nước do Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ quyết định.

3. Việc nâng ngạch kiểm soát viên Ngân hàng Nhà nước phải qua kỳ thi nâng ngạch theo quy định.

4. Không bổ nhiệm lại kiểm soát viên bị miễn nhiệm.

Điều 8. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước thống nhất quản lý các ngạch kiểm soát viên thuộc hệ thống Ngân hàng Nhà nước. Việc điều động kiểm

soát viên đảm nhận các nhiệm vụ khác phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Chương III

TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN, QUYỀN LỢI CỦA KIỂM SOÁT VIÊN NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Điều 9. Trách nhiệm của kiểm soát viên.

1. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, kiểm soát viên phải độc lập và chỉ tuân theo pháp luật, tuân thủ các nguyên tắc, chuẩn mực nghề nghiệp và các chính sách, chế độ của Nhà nước và của Ngân hàng Nhà nước. Không một cơ quan, tổ chức, cá nhân nào được can thiệp trái pháp luật vào hoạt động của kiểm soát viên.

2. Không ngừng nâng cao năng lực nghiệp vụ, cập nhật kiến thức, giữ gìn đạo đức nghề nghiệp trong quá trình kiểm soát, kiểm toán; đề cao tính độc lập, khách quan, trung thực và giữ gìn bí mật Nhà nước theo quy định của pháp luật.

3. Chịu trách nhiệm về sự hợp lý, chính xác và khách quan của các báo cáo kiểm soát, kiểm toán và các kết luận kiến nghị của mình. Báo cáo cấp có thẩm quyền kết quả kiểm soát, kiểm toán và kiến nghị biện pháp giải quyết.

Điều 10. Quyền hạn của kiểm soát viên.

1. Có quyền yêu cầu các đơn vị được kiểm soát, kiểm toán cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ cho công tác kiểm soát, kiểm toán; được quyền yêu cầu thủ trưởng đơn vị có biện pháp sửa chữa các sai phạm được phát hiện và xử lý đối với những cá nhân có hành vi gây trở ngại đến việc tiến hành các hoạt động kiểm soát, kiểm toán.

2. Kiểm soát viên được vào kho tiền thuộc hệ thống Ngân hàng Nhà nước để kiểm soát, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Kiểm soát viên được bảo lưu ý kiến đã trình bày trong báo cáo kiểm soát, kiểm toán; được đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét lại quyết định kỷ luật, miễn nhiệm kiểm soát viên của mình.

4. Kiểm soát viên chính và kiểm soát viên cao cấp được quyền quyết định ngừng thi hành và đề nghị cấp có thẩm quyền bãi bỏ những quy định của đơn vị được kiểm tra, kiểm toán, trái với chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chế độ, thể lệ nghiệp vụ của Ngân hàng Nhà nước đã ban hành.

5. Kiểm soát viên được báo cáo trực tiếp cho Vụ trưởng Vụ Tổng kiểm soát hoặc Thống đốc Ngân hàng Nhà nước khi cần thiết.

Điều 11. Quyền lợi của kiểm soát viên.

1. Kiểm soát viên Ngân hàng Nhà nước được hưởng chế độ, chính sách đãi ngộ và chế độ trang bị phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ theo quy định đối với công chức nhà nước, được trang bị các phương tiện cần thiết để phục vụ cho hoạt động kiểm soát, kiểm toán nội bộ.

2. Kiểm soát viên Ngân hàng Nhà nước được hưởng phụ cấp trách nhiệm hàng tháng theo quy định của Nhà nước.

3. Kiểm soát viên Ngân hàng Nhà nước được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.

4. Kiểm soát viên Ngân hàng Nhà nước đạt tiêu chuẩn và điều kiện được dự thi nâng ngạch kiểm soát viên theo quy định của Nhà nước và của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Chương IV

KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 12. Kiểm soát viên Ngân hàng Nhà nước có thành tích trong hoạt động kiểm soát, kiểm toán nội bộ được khen thưởng theo quy định của Nhà nước và của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 13. Kiểm soát viên Ngân hàng Nhà nước trong khi thi hành nhiệm vụ nếu thiếu tinh thần trách nhiệm, không phát hiện kịp thời hoặc bao che cho tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật, vi phạm các cơ chế, chế độ của Nhà nước và của Ngân hàng Nhà nước dẫn đến tổn thất tài sản của Nhà nước thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm bị xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm hành chính, bồi thường vật chất hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định./.

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước

LÊ ĐỨC THÚY

QUYẾT ĐỊNH số 37/2000/QĐ-NHNN1
ngày 24/1/2000 về việc ban hành
Quy chế Quản lý vốn khả dụng.

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 01/1997/QH10 ngày 12 tháng 12 năm 1997;

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02 tháng 3 năm 1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;